

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Logic học đại cương

ĐỀ TÀI:

**QUY LUẬT ĐỒNG NHẤT VÀ CÁC LỖI LOGIC KHI VI
PHẠM YÊU CẦU CỦA QUY LUẬT ĐỒNG NHẤT THÔNG
QUA CÁC TÌNH HUỐNG THỰC TẾ**

Giảng viên hướng dẫn : Cô Đào Thị Hữu

Sinh viên thực hiện : Hoàng Thu Huyền

Lớp : K22LKTC

Mã sinh viên : 22A4060051

Hà Nội, ngày 7 tháng 7 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	3
NỘI DUNG	5
Phần 1	LÝ LUẬN CHUNG VỀ QUY LUẬT ĐỒNG NHẤT
1.1	Đặc trưng phản ánh của quy luật 5
1.2	Cơ sở khách quan của quy luật 5
1.3	Nội dung và công thức của quy luật 6
1.4	Yêu cầu của quy luật 6
Phần 2	CÁC LỖI LOGIC KHI VI PHẠM YÊU CẦU CỦA QUY LUẬT ĐỒNG NHẤT THÔNG QUA CÁC VÍ DỤ THỰC TẾ
2.1	Lỗi logic khi vi phạm quy luật đồng nhất thông qua các ví dụ thực tế 8
2.2	Ý nghĩa của các quy luật logic nói chung và đối với sinh viên khoa Luật kinh tế nói riêng 10
KẾT LUẬN	11
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	12

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong quá trình tồn tại của mình, con người luôn khát vọng hiểu biết về tự nhiên và xã hội. Do vậy, nhận thức hiện thực khách quan là một nhu cầu tất yếu của con người. Chính sự tồn tại của hiện thực khách quan trong tính sinh động, phong phú, phức tạp của mình đã quy định vào tư duy những quy tắc tất yếu cho quá trình nhận thức đúng đắn. Nhận thức đúng giúp là điều kiện cần giúp con người hành động đúng, đạt được hiệu quả mong muốn. Ngược lại, nhận thức sai, không nắm bắt được bản chất và quy luật của hiện thực khách quan thì con người sẽ hành động phiêu lưu, mạo hiểm, dễ đi đến thất bại. Để tư duy có thể phản ánh đúng đắn hiện thực, nó phải tuân thủ các quy luật logic bất kể chủ thể nhận thức muốn hay không muốn. Vì thế, con người cần phải biết và nắm vững được các quy luật logic cơ bản, vì vậy, em chọn một trong 4 quy luật logic cơ bản là “ Quy luật đồng nhất và các yêu cầu của quy luật đồng nhất thông qua các ví dụ thực tế” để làm đề tài nghiên cứu, để trau dồi kỹ năng tư duy, phát triển những mặt kiến thức của bản thân, tránh mắc phải những sai lầm trong tư duy và tranh luận.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục đích nghiên cứu: luận giải làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn về quy luật đồng nhất và yêu cầu của quy luật đồng nhất, trên cơ sở đó liên hệ thực tiễn để thấy được các lỗi logic khi vi phạm yêu cầu của quy luật đồng nhất và rút ra được ý nghĩa của các quy luật logic đối với cuộc sống nói chung và với sinh viên khoa Luật kinh tế nói riêng.

- Nhiệm vụ nghiên cứu:

- + Phân tích làm rõ một số vấn đề lý luận về quy luật đồng nhất, các yêu cầu của quy luật đồng nhất.

- + Phân tích làm rõ các lỗi logic khi vi phạm quy luật đồng nhất thông qua các ví dụ thực tế.

+ Thông qua đó rút ra được ý nghĩa của các quy luật logic đối với cuộc sống nói chung và với sinh viên khoa Luật kinh tế nói riêng.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Quy luật đồng nhất và các lỗi logic khi vi phạm quy luật đồng nhất.
- Phạm vi nghiên cứu:
 - + Về không gian: Việt Nam
 - + Về thời gian: trong giai đoạn hiện nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

- Cơ sở lý luận: quan điểm của logic học hình thức về hình thức và quy luật của tư duy
- Phương pháp nghiên cứu: thống nhất lôgic và lịch sử, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa và hệ thống hóa, phương pháp hình thức hóa.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

- Ý nghĩa lý luận: quy luật đồng nhất phản ánh tính chất cơ bản nhất của quá trình tư duy: tính xác định, là quy luật vô cùng quan trọng của logic hình thức. Nếu như các quy luật khác có thể đúng một số hệ logic hình thức và không đúng trong một số hệ logic hình thức khác thì cho đến nay chưa ai xây dựng được hệ logic hình thức nào có giá trị mà trong đó quy luật đồng nhất không đúng.
- Ý nghĩa thực tiễn: nghiên cứu về quy luật đồng nhất sẽ đảm bảo cho tư duy mạch lạc, rõ ràng, chính xác; tránh rơi vào tự mâu thuẫn, luẩn quẩn; tránh bế tắc trong tư duy, khắc phục tình trạng mơ hồ về nội dung vấn đề, tính không cụ thể của phạm vi vấn đề được đề cập, chống lối nói nước đôi hoặc nguy hiểm; là cơ sở đánh giá, phê phán quan điểm sai trái; có vai trò quan trọng trong nhận thức khoa học.

Phần 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ QUY LUẬT ĐỒNG NHẤT

1.1 Đặc trưng phản ánh của quy luật

Quy luật đồng nhất phản ánh quan hệ đồng nhất trừu tượng của sự vật hiện tượng trong thế giới hiện thực với chính bản thân nó ở một phẩm chất nhất định trong điều kiện xác định được xem xét. Đây chính là nguyên tắc có tính chất cơ sở để xây dựng toàn bộ khoa học Logic hình thức. Tính đồng nhất trừu tượng của mỗi sự vật hiện tượng là điều kiện trước tiên, để định hình tư duy với tư cách là ảnh tinh thần về đối tượng phản ánh. Trong hiện thực, mỗi sự vật hiện tượng đều luôn vận động, biến đổi, nó vừa đồng thời lại đang là cái khác với nó. Nhờ có thao tác đồng nhất trừu tượng trong đầu óc con người mà người ta mới định hình được những hiểu biết về đối tượng và phân biệt nó với những cái không phải là nó.

1.2. Cơ sở khách quan của quy luật

Cơ sở khách quan của quy luật là tính ổn định tương đối, trạng thái đứng im tương đối của các đối tượng. Quy luật đồng nhất quy định tính xác định của ý nghĩ, của tư tưởng về đối tượng nhất định ở phẩm chất xác định, còn bản thân ý nghĩ tuân thủ quy luật này phản ánh sự đồng nhất trừu tượng của đối tượng với chính nó.

Điều này có nghĩa là, trong quá trình hình thành của mình, một tư tưởng (khái niệm, phán đoán, lý thuyết, giả thuyết..) có thể thay đổi, nhưng khi đã hình thành xong thì không được thay đổi nữa. Nếu nó vẫn tiếp tục thay đổi thì logic hình thức sẽ coi nó là tư tưởng khác. Tính ổn định như vậy là điều kiện cần cho mọi quá trình tư duy. Mặc dù tư tưởng cũng như mọi sự vật hiện tượng khác luôn luôn vận động và biến đổi, nhưng nếu tuyệt đối hóa mặt biến đổi đó của tư tưởng thì không thể nào tư duy được. Một ý kiến được nói ra phải có nội dung không đổi ít nhất là trong cùng một quá trình tranh luận,

trình bày ý kiến, chứng minh, quan điểm... nghĩa là một quá trình tư duy, thì người ta mới có thể căn cứ vào nó để xét đúng sai, hợp lý hay bất hợp lý....

1.3. Nội dung và công thức của quy luật

Quy luật đồng nhất phát biểu như sau: “Trong quá trình suy nghĩ, lập luận thì tư tưởng phải là xác định, một nghĩa, luôn đồng nhất với chính nó.” Nói cách khác: Mỗi tư tưởng (khái niệm, phân đoán) khi đã định hình về đối tượng ở một phẩm chất xác định thì phải tường minh, và giữ nguyên nghĩa trong suốt quá trình tư duy (lập luận) để rút ra kết luận.

Quy luật đồng nhất được biểu diễn bằng công thức:

$$a \equiv a$$

Trong đó, a là một tư tưởng bất kì phản ánh về đối tượng xác định nào đó; nói cách khác mỗi ý nghĩ đều được rút ra từ chính nó và là điều kiện cần và đủ cho tính chân thực của nó. “ $a \rightarrow a$ ” – (nếu a , thì a)

Quy luật đồng nhất trở thành quy tắc cho từng ý nghĩ: một ý nghĩ không thể vừa là nó vừa là không phải nó. Nó phải đồng nhất với nó về giá trị lôgic. Quy luật đồng nhất yêu cầu khi phản ánh về một đối tượng ở một phẩm chất xác định, khi đối tượng tồn tại với tư cách là nó thì tư duy không được tùy tiện thay đổi đối tượng phản ánh; không được thay đổi nội dung của tư tưởng hay đánh tráo ngôn từ diễn đạt tư tưởng. Chính điều này thể hiện tính xác định và nhất quán của tư tưởng khi phản ánh về đối tượng xác định.

1.4. Yêu cầu của quy luật

1.4.1. Yêu cầu 1

Phải có sự đồng nhất của tư duy với đối tượng về mặt phản ánh, tức là trong lập luận về một đối tượng xác định nào đó, tư duy phải phản ánh về nó với chính những nội dung xác định đó. Cơ sở của yêu cầu này là:

Thứ nhất, các đối tượng khác nhau thì phân biệt với nhau, vì thế tư duy phản ánh đối tượng nào phải chỉ rõ ra được nó là gì? Không được lẫn lộn với đối tượng khác.

Thứ hai, các đối tượng luôn vận động, biến đổi; bản thân chúng có nhiều hình thức thể hiện trong từng giai đoạn phát triển khác nhau. Tư duy khi phản ánh đối tượng phải ý thức được nó đang phản ánh đối tượng ở hình thức nào, ở giai đoạn phát triển nào, chứ không được lẫn lộn các hình thức và giai đoạn phát triển khác nhau của đối tượng.

1.4.2. Yêu cầu 2

Phải có sự đồng nhất giữa tư tưởng với ngôn ngữ diễn đạt nó. Cơ sở khách quan của yêu cầu này là mối liên hệ giữa tư duy và ngôn ngữ diễn đạt. Một tư tưởng, một ý nghĩ bao giờ cũng phải được “vật chất hoá” ra ở ngôn ngữ. Vì thế, tư tưởng, ý nghĩ thế nào? về cái gì? ngôn ngữ diễn đạt phải thể hiện đúng như vậy, tránh tạo ra trường hợp tư tưởng, ý nghĩ phản ánh về đối tượng này, nhưng ngôn ngữ diễn đạt lại cho thấy không phải đối tượng ấy mà là đối tượng khác hay có thể là đối tượng đó mà cũng có thể là đối tượng khác (tức không xác định).

1.4.3. Yêu cầu 3

Tư duy tái tạo phải đồng nhất với tư duy nguyên mẫu. Cơ sở khách quan của quy luật này là tính nhất quán của tư duy khi nhắc lại tư tưởng của mình hoặc của người khác. Trong hoạt động thực tiễn và hoạt động nhận thức của con người thường xuyên phải diễn đạt lại hoặc hiểu đúng những tư tưởng đã định hình về đối tượng. Tư duy đã định hình về đối tượng là tư duy nguyên mẫu. Còn tư duy nhắc lại hoặc hiểu lại tư duy đã có trước đó là tư duy tái tạo. Khi chúng ta nhắc lại đúng ý của mình hoặc hiểu chính xác tư tưởng đã được định hình thì có nghĩa yêu cầu này đã được tuân thủ. Nếu ngược lại là tư duy mắc lỗi. Việc vi phạm yêu cầu này sẽ làm cho tư duy thiếu nhất quán, có thể làm sai lệch những nhận thức đúng đã có về đối tượng

Phần 2

CÁC LỖI LOGIC KHI VI PHẠM YÊU CẦU QUY LUẬT ĐỒNG NHẤT THÔNG QUA CÁC VÍ DỤ THỰC TẾ

2.1. Lỗi logic khi vi phạm quy luật đồng nhất thông qua các ví dụ thực tế

2.1.1. Lỗi ngộ biện (đánh tráo đối tượng)

Lỗi ngộ biện (sai mà không biết): xảy ra khi trong tư duy do vô tình mà khái quát những hiện tượng ngẫu nhiên thành tất nhiên hoặc do trình độ nhận thức còn thấp (chưa đủ điều kiện, phương tiện, cơ sở để nhận thức, đánh giá, xem xét sự vật) nên phản ánh sai hiện thực khách quan.

Ví dụ 1: Người ta thường hay nhầm lẫn loài rắn ngửi bằng mũi do thấy 2 chiếc lỗ giống lỗ mũi nằm ở phía dưới 2 bên mắt, nhưng thực tế chúng không có mũi, rắn sử dụng mùi để theo dõi con mồi của nó. Rắn ngửi mùi bằng cách dùng lưỡi chẻ của nó để thu thập các hạt airborne có trong không trung, sau đó chuyển chúng cho cơ quan xương lá mía-mũi hay cơ quan Jacobson trong miệng để kiểm tra. Cái lưỡi chẻ đôi giúp cho rắn đồng thời cảm nhận trực tiếp cả mùi lẫn vị. Các loài rắn luôn luôn duy trì lưỡi ở trạng thái chuyển động, lấy mẫu các hạt từ không khí, đất và nước, phân tích các hóa chất tìm thấy và xác định sự hiện diện của con mồi hay kẻ săn mồi trong môi trường khu vực. Lưỡi rắn không chỉ là cơ quan khứu giác mà còn là công cụ định vị tuyệt vời để săn bắt con mồi.

Ví dụ 2: Do bao giờ tiếng sấm cũng được nghe thấy sau khi có tia chớp lóe sáng, người ta thường kết luận tia chớp là nguyên nhân của tiếng sấm. Thực ra đó là hai biểu hiện về ánh sáng và âm thanh của cùng một hiện tượng tự nhiên phóng điện tích trái dấu giữa các đám mây, vì ánh sáng lan truyền với tốc độ lớn hơn rất nhiều tốc độ âm thanh, nên ta thấy tia chớp trước khi nghe thấy tiếng sấm.

2.1.2. Lỗi ngụ biện (đánh tráo khái niệm, tư tưởng)

Lỗi nguy biện (biết sai mà cứ cố tình mắc vào): xảy ra khi vì một lý do, động cơ, mục đích vụ lợi nào đó mà người ta cố tình phản ánh sai lệch hiện thực khách quan, nhằm biến sai thành đúng, vô lý thành hợp lý. Người nguy biện thường dùng mọi thủ thuật để đánh lừa người khác bằng cách dựa vào những chỗ giống nhau bề ngoài để đánh tráo khái niệm, đối tượng, tư tưởng...

Ví dụ 1: Những kẻ phạm tội là đối tượng rất hay mắc phải lỗi logic này. Họ thường nói dối, bịa đặt ra các chứng cứ, thông tin sai sự thật để che đậy cho hành vi sai trái của mình:

Điển hình là vụ án “nữ sinh giao gà” gây chấn động dư luận 2019: Bùi Thị Kim Thu - vợ của đối tượng Bùi Văn Công – 1 trong 6 “yêu râu xanh” hãm hiếp và giết nạn nhân; bà Thu là người chứng kiến gần như toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội, chứng kiến chồng và các đối tượng khác có hành vi hiếp dâm nạn nhân Cao Mỹ Duyên ngay tại nhà nhưng không can thiệp, tố giác tới cơ quan chức năng, thậm chí còn giúp nhóm bị cáo còn lại xóa dấu vết, tuy nhiên, y đã quanh co chối tội: *“...VKS cáo buộc bị cáo là không đúng. Ngày 4/2, mọi người bắt cóc Duyên bị cáo không có mặt ở nhà. Lúc bị cáo về đến nhà thì không thấy ai cả. Bị cáo không chứng kiến việc các đối tượng hiếp dâm”*. Tuy nhiên, sau quá trình điều tra, y đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ví dụ 2: Cả hai mẹ chồng và nàng dâu đều góa chồng, mẹ chồng thường căn dặn: “Số hai mẹ con mình hẩm hui rồi thì phải cố cắn răng mà chịu con ạ”. Một thời gian sau người mẹ tái giá, cô con dâu trách mẹ tại sao như vậy, bà mẹ n: “Mẹ là mẹ dặn con thôi, chứ mẹ già rồi, răng lợi đâu mà cắn nữa”

(Truyện cười dân gian Việt Nam)

Ở ví dụ trên, bà mẹ cố tình hiểu sai từ “cắn răng” có nghĩa là cam chịu thành từ “răng” trong răng lợi, ý là bây giờ mẹ đã già không còn răng mà cắn nữa nên có thể lấy chồng được; biến sai thành đúng, vô lý thành hợp lý, bao biện cho hành vi của mình.

2.1.3. Nhầm lẫn trong các đối tượng, hiểu sai tư tưởng

2.1.3.1. Dùng câu chữ diễn đạt tư tưởng không chính xác, hoặc do viết tắt (viết tắt phải được quy ước trước)

Ví dụ: Vụ án sát hại nữ chủ nhiệm hợp tác xã để cướp tài tại Quảng Ninh năm 2018, một bài báo đưa tin với tiêu đề: “Sát hại 2 CB của HXT để cướp tài sản, người phụ nữ bị tuyên án tử hình”

Bài báo trên đã viết tắt từ “cán bộ” thành “CB” làm cho 1 số người hiểu thành “giết hại 2 con bò của hợp tác xã”, gây đến hệ lụy làm rất nhiều người hiểu sai, từ đó tuyên truyền những thông tin vô lý, sai sự thật.

2.1.3.2. Do tư tưởng ban đầu bị thêm bớt → “tam sao thất bản”

Ví dụ: Trong đại dịch Covid 19 vừa qua, cư dân mạng vì nhẹ dạ cả tin, thiếu kiến thức thông tin, đã tin theo một số thành phần gây rối trên mạng xã hội tung tin sai sự thật về hành trình di chuyển của bệnh nhân số 17 trốn cách li, "tam sao thất bản" thông tin khiến dư luận hoang mang, lo lắng. Tuy nhiên, theo các cơ quan chức năng xác nhận, bệnh nhân này khi về nước thấy mình có các biểu hiện của Covid 19 đã tự cách li tại nhà, không có chuyện đi chơi, tụ tập ăn uống như cư dân mạng đã tung tin.

2.2. Ý nghĩa của các quy luật logic đối với cuộc sống nói chung và sinh viên khoa Luật kinh tế nói riêng

Quy luật đồng nhất cũng như các quy luật logic có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, không được tách rời hay quá coi trọng một quy luật nào trong quá trình vận dụng vào cuộc sống. Sử dụng các quy luật logic đúng phạm vi, vị trí của nó không chỉ có ý nghĩa về nhận thức mà còn có ý nghĩa thực tiễn to lớn. Nó góp phần rèn luyện tư duy chính xác, giúp quá trình tư duy mạch lạc, có tính xác định và nhất quán; là cơ sở để đánh giá, phê phán quan điểm sai trái; biết nhìn nhận sự việc một cách chính xác, không mơ hồ, ảo tưởng. Tuân thủ các quy luật logic cũng giúp bản thân tìm được tín hiệu về sự bất ổn trong các

cuộc tranh luận, góp phần giành lợi thế về bản thân; tăng tính thuyết phục trong cuộc tranh luận; giúp cuộc sống, công việc của bản thân trở nên dễ dàng, thông thái và đạt hiệu quả cao.

Đối với sinh viên khoa Luật kinh tế nói riêng, tuân thủ các quy luật logic giúp rèn luyện bản thân về khả năng nói, viết, lập luận, giúp tiếp thu bài giảng một cách nhanh chóng, hiệu quả; giữa hàng ngàn điều Luật, hàng ngàn các sự kiện tình huống phải giải quyết, nó giúp ta có thể phân tích, đưa ra quan điểm chính xác, thuyết phục mọi người; giúp bản thân rèn luyện bản lĩnh, rèn luyện tư duy khoa học, mạch lạc đưa ra sự lựa chọn đúng đắn cho thân chủ và gỡ rối mọi việc trong quá trình làm việc sau này.

KẾT LUẬN

Quy luật đồng nhất hiểu thị tính chất cơ bản của tư duy logic : tính xác định. Nếu tư duy không có tính xác định thì người ta không hiểu đúng sự thật và không thể hiểu nhau được. Quy luật đồng nhất loại bỏ tính chất mơ hồ, lẫn lộn, thiếu xác định, nước đôi trong tư duy. Trong cuộc sống, những người vi phạm luật đồng nhất thường là những kẻ nguy hiểm, họ cố tình đánh tráo khái niệm, đánh tráo đối tượng để phục vụ cho ý đồ sai trái của mình, hoặc là những người do thiếu hiểu biết, nắm không đầy đủ nội hàm và ngoại diên của các khái niệm, các thuật ngữ, ký hiệu chuyên môn, v.v... Vì vậy, mỗi khái niệm, mỗi phân đoán cần phải được sử dụng trong một ý tưởng xác định và phải bảo toàn nội dung, ý nghĩa của nó trong toàn bộ quá trình lập luận. Không đồng nhất các tư tưởng khác nhau và không coi những tư tưởng đồng nhất là khác nhau.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đại học quốc gia Hà Nội - “Giáo trình Logic học đại cương” (2019)
2. Phạm Đình Nghiêm – “Nhập môn Logic học” (2009), Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
3. Đại học Luật Hà Nội – “Giáo trình Logic học” (2011).